TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 649/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **MAI THỊ THUỲ T,** sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **PHẠM CÔNG H,** sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 31/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Thuỳ T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh H kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H có dấu hiệu ngoại tình, vợ chồng bất đồng quan điểm thường tranh cãi và anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Con chung có một cháu tên Phạm Công D, sinh ngày 20/12/2015, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu D, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 700.000đ/tháng đến khi trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Công H đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự liên quan việc chị T

khởi kiện như trên nhưng anh H vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tính vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh H, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Anh Phạm Công H vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị T trình bày do quen biết nên chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ tháng 8/2016 đến nay. Nguyên nhân do anh H có dấu hiệu ngoại tình, không quan tâm vợ con. Nay chị T cương quyết xin ly hôn anh H. Anh H thì vắng mặt không lý do. Xét thấy, cho chị T được ly hôn với anh H là có cơ sở. Bởi lẽ, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có một cháu tên Phạm Công D, sinh ngày 20/12/2015, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu D cho chị T nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, sau khi Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H thì anh vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của chị T. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng:* Tại phiên toà, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Theo chị T trình bày là không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị Thuỳ T. Cho chị Mai Thị Thuỳ T được ly hôn anh Phạm Công H.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Công D, sinh ngày 20/12/2015 cho chị T nuôi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Mai Thị Thuỳ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07456 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã T, H. G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM